

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Lan

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Bùi Thị H**, sinh năm: 1989.

HKTT: Tổ 3, khu 1, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Bị đơn:*** Anh **Lê Văn V**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ 3, khu 1, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh V cùng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và anh Lê Văn V tự nguyện yêu thương nhau vào năm 2007 (khoảng tháng 1/2007) sau khoảng 02 tháng vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 09/4/2007. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và anh V sống chung tại nhà cha mẹ chồng tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 01 năm sau khi kết hôn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã do không thống nhất được quan điểm về cách sống, đặc biệt sau khi

anh V nghỉ làm tại công ty nên có nhiều thời gian rảnh, thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, đánh bài, nhiều lần kiếm chuyện gây gỗ đánh đập tôi, anh V đánh đập chửi bới tôi rất thường xuyên, mỗi lần nhậu say anh đều tìm cơ đánh chửi tôi. Vào khoảng ngày 28/12/2021 âm lịch chồng tôi đi nhậu về say sấn đánh và đuổi tôi ra khỏi nhà, vì vậy nên tôi đã bỏ về quê tại Quảng Ngãi để ở cho đến nay. Vợ chồng tôi cãi vã nhau có vợ chồng em chồng đều biết. Tôi đã rất nhiều lần tôi tha thứ và bỏ qua cho anh V vì nghĩ cho con cái và được gia đình hòa giải khuyên can cho anh V cơ hội, nhưng suốt nhiều năm anh V vẫn chứng nào tật nấy không sửa đổi tính tình. Tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không còn tình nghĩa, chỉ có nghĩa vụ đối với con cái. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể nào khắc phục được nữa. Những mâu thuẫn ngày càng lớn vợ chồng không thể dung hòa được. Khoảng gần 01 năm nay vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, cuộc sống ai nấy lo, anh trai anh V có gọi điện thoại ra nhà tôi để nói chuyện và xin tha lỗi nhưng cha mẹ tôi đều không đồng ý và không chấp nhận. Từ khi ly thân đến nay tôi trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thành D còn anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trung K và Lê Thành T. Tôi không vào thăm cháu K và cháu T nhưng vẫn gọi điện thăm nom các con thường xuyên, hai bên không ai chu cấp nuôi con. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt không thể hàn gắn được nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn V.

**Về con chung:** Vợ chồng tôi chung sống có 03 con chung là Lê Trung K, sinh ngày: 13/02/2008; cháu Lê Thành T, sinh ngày 22/03/2010 và cháu Lê Thành D, sinh ngày 26/12/2017. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thành D và đồng ý giao cháu Lê Trung K và Lê Thành T cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm công ty may tại Quảng Ngãi thu nhập bình quân hàng khoảng 6- 7 triệu đồng. Hiện tôi sinh sống ổn định cùng cha mẹ tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên có điều kiện được cha mẹ phụ giúp việc chăm con và đưa đón con đi học.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022 bị đơn anh Lê Văn V trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và chị Bùi Thị H quen biết từ trước khoảng 8 tháng thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/4/2007. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tại tổ 3, khu 1, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đây là nhà của cha mẹ tôi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 03 năm nay nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã những vấn đề thường ngày trong cuộc sống. Đỉnh điểm vào ngày 29 Tết năm 2021, vợ chồng có cãi vã vì những chuyện rất nhỏ nhưng chị H đã bỏ đi về quê cùng cháu Lê Thành D và ở đó cho đến nay, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay hai vợ chồng không liên lạc, không gặp mặt nhau, gia đình tôi cũng đã gọi điện thoại ra nhà chị H để hòa giải tuy nhiên chị H cùng gia đình không chấp nhận. Mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhặt nhưng chị H vẫn một mực nộp đơn xin ly hôn.

Nay chị H nộp đơn ly hôn tôi không đồng ý do vẫn còn tình cảm với vợ, tôi mong muốn gia đình đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Vì vậy đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng.

**Về con chung:** Vợ chồng tôi chung sống có 03 con chung là Lê Trung K, sinh ngày: 13/02/2008; cháu Lê Thành T, sinh ngày 22/03/2010 và cháu Lê Thành D, sinh ngày 26/12/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi đồng ý theo như ý kiến của chị H, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trung K và cháu Lê Thành T và đồng ý giao cháu Lê Thành D cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi làm buôn bán tự do thu nhập bình quân hàng tháng từ 13 đến 15 triệu đồng. Ngoài ra tôi sống cùng mẹ nên có mẹ phụ giúp việc chăm sóc và nuôi dạy con cái. Từ khi ly thân đến nay chị H không thăm nom con, tôi cũng không có điều kiện thăm con.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lê Văn V.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Trung K, sinh ngày 13/02/2008; cháu Lê Thành T, sinh ngày 22/03/2010 cho anh Lê Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Thành D, sinh ngày 26/12/2017 cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Lê Văn V hiện đang cư trú tại tổ 3, khu 1, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn V tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/4/2007. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự cả anh V và chị H đề thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng chị H và anh V đã xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống với nhau, phần lớn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung vì vậy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù quá trình mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình tích cực hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được, vợ chồng ly thân nhau khoảng gần 01 năm nay.

Theo nguyên đơn chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, anh V cũng thừa nhận quá trình sống ly thân vợ chồng không còn qua lại nhau và không có biện pháp hàn gắn dù đã được hòa giải từ phía gia đình. Trong quá trình giải

quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của anh V xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V cùng với đó đến nhà anh V để lấy lời khai, anh V đồng ý cung cấp lời khai nhưng tại các buổi làm việc anh V vắng mặt không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh V đã bỏ về và không tham gia hòa giải, không ký vào biên bản hòa giải với lý do bận công việc, anh V cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh V đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung là cháu Lê Trung K, sinh ngày 13/02/2008; cháu Lê Thành T, sinh ngày 22/03/2010 và cháu Lê Thành D, sinh ngày 26/12/2017. Hiện nay cháu Lê Trung K và cháu Lê Thành T đang sống cùng anh V; cháu Lê Thành D đang sống cùng chị H.

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị H và anh V xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu K và cháu T do anh V trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, do điều kiện đường xa nên hai bên đều không có điều kiện thăm nom con chung trực tiếp. Anh V và chị H đều thống nhất ý kiến với nhau về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần ghi nhận ý kiến của anh chị trong vấn đề này. Chị H hiện đang làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6-7 triệu đồng, anh V hiện làm kinh doanh tự do thu nhập bình quân hàng tháng ổn định khoảng 13-15 triệu đồng, ngoài ra cả chị H và anh V đều chung sống cùng gia đình nên có sự hỗ trợ cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho con. Nhận thấy, chị H và anh V có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, đồng thời thuận theo mong muốn của các con cần tiếp tục giao cháu Lê Trung K, cháu Lê Thành T cho anh Lê Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Thành D cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí DSST*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lê Văn V.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Trung K, sinh ngày 13/02/2008; cháu Lê Thành T, sinh ngày 22/03/2010 cho anh Lê Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu cháu Lê Thành D, sinh ngày 26/12/2017 cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con

Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008933 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã H, H. T, T. Đồng Nai  
(số ĐKKH 21 ngày 09/4/2007);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Ngọc Thành**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

**Phan Ngọc Thành**

